| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 382/2017/DS-ST
Ngày: 01/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Ngon – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 8 và ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2016/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2016, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2017/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2017/QĐST - DS ngày 14 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*2. Bị đơn*: Bà Tô Thị Mỹ H1, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: Đường B, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường H, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm 1961

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ:* Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1965 (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 11/4/2017 tại Tòa án nhân dân Quận 8) (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 9 năm 2016 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Phương H trình bày: Ngày 05/5/2014 bà có cho bà Tô Thị Mỹ H1 vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, hai bên có ký giấy vay tiền nhưng không công chứng. Ngày 04/6/2014 bà H1 tiếp tục vay số tiền

50.000.000 (năm mươi triệu) đồng với hình thức trên. Các bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, bà H1 đã nhận đủ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng Từ tháng 01/2016 đến ngày 20/9/2016, bà H1 còn nợ tiền lãi 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Bà H1 hứa sẽ trả số tiền vay trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 04/6/2014. Nhưng cho đến nay đã quá thời hạn trả nợ mà bà H1 vẫn cố tình lẩn tránh không trả nợ cho bà. Số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng cho bà H1 vay là tài sản chung của bà và chồng là ông Trần Ngọc Đ. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả vợ chồng bà số tiền vốn 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tiền lãi 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Đến ngày 03/7/2017 bà H rút yêu cầu về việc yêu cầu trả lãi đối với bà H1 là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng, bà chỉ yêu cầu bà H1 trả cho vợ chồng bà và ông Đ số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Thời hạn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến ông Trần Ngọc Đ: ông là chồng của bà Nguyễn Thị Phương H, ông xác nhận số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng cho bà H1 vay là tài sản chung của vợ chồng ông và bà H. Ông nhất trí với yêu cầu của bà H.

Đối với bị đơn là bà Tô Thị Mỹ H1, Tòa án đã tiến hành hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến Tòa, do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn cư trú tại Quận 8 nên theo qui định của các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Phương H và ông Trần Ngọc Đ (có bà Nguyễn Thị Phương H đại diện theo ủy quyền) có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào các Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của bà H và ông Đ.

Bà Tô Thị Mỹ H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H1.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Xét Giấy nợ ghi ngày 05 tháng 5 năm 2014 và Giấy nợ ghi ngày 04 tháng 6 năm 2014 ký kết giữa bà Nguyễn Thị Phương H và bà Tô Thị Mỹ H1 về việc bà H1 có vay nợ của bà H 02 lần, mỗi lần vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, tổng cộng là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 04/6/2014. Bà

H1 đã nhận đủ tiền, nhưng cho đến nay đã quá thời hạn trả nợ mà bà H1 vẫn không trả nợ cho bà H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết trên là sự thật. Tại Tòa, bà H yêu cầu bà H1 thanh toán cho vợ chồng bà số nợ là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, không yêu cầu nợ lãi, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu của bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bị đơn không đến Tòa nên tòa án không thu được các lời khai, tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng nên xét xử vắng mặt bị đơn.

Ông Trần Ngọc Đ là chồng bà H xác nhận số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng cho bà H1 vay là tài sản chung của vợ chồng. Ông nhất trí với yêu cầu của bà H.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H.

Buộc bà Tô Thị Mỹ H1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Phương H và ông Trần Ngọc Đ số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc trả tiền như bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu tính nợ lãi của bà Nguyễn Thị Phương H đối với bà Tô Thị Mỹ H1.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tô Thị Mỹ H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.950.000 (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0009026 ngày 11/10/2016 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 8.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phúc**